

DANH SÁCH KHÔNG ĐẠT TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 Năm học: 2025-2026
Đại học VLVH_liên thông Cao Đẳng, ngành , khóa 2023 - 2025
ngày ; Lớp 23LC43(2); Mã TC: TN23LC43(2)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 150
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	23843145	TRẦN QUỐC ANH	23LC43LTT2	144	6.84	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	3.0
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
						STOG423425	chuyên đề tốt nghiệp 3	2		2025-2026-HK01	0.0
2	23843148	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ HÀO	23LC43LTT2	142	6.99	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	3.0
						EEEEI321925	Trang bị điện-điện tử trong máy công nghiệp	2		2023-2024-HK02	2.5
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
						STOG423425	chuyên đề tốt nghiệp 3	2		2025-2026-HK01	3.5
3	23843151	LÊ QUANG MINH KHÁNH	23LC43LTT2	149	7.33	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
4	23843153	NGUYỄN HIỀN ANH PHÁP	23LC43LTT2	149	7.37	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2025-2026-HK02	4.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
5	23643066	TRẦN TẤN PHÁT	23LC43LTT2	149	7.37	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK02	0.0
6	23843156	NGUYỄN SỸ TÀI	23LC43LTT2	146	7.10	CCCT331725	Công nghệ CAD\CAM_CNC	3		2024-2025-HK01	4.5
						PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2025-2026-HK02	4.0

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn) :	1 TC (Min)	
PHED130715	Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn)	3
CHES112330	Cờ vua	1
CHIN112330	Cờ tướng	1